

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HS-ST

Ngày 25-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh;
2. Bà Trương Thị Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2020/TLST-HS ngày 20/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HS ngày 10/02/2020 đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 tại Nghệ An; Nơi đăng ký thường trú và cư trú: Khu phố N1, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; đảng phái: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N2, sinh năm 1932 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1948 (còn sống); gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ tên Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988, bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016 và con nhỏ nhất năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Võ Trọng N4, sinh năm 1997 – đã chết

- Đại diện hợp pháp người bị hại:

+ Ông Võ Tứ H2, sinh năm 1976; cư trú tại: Phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt tại phiên tòa).

+ Bà Tri Phương L1, sinh năm 1983; cư trú tại Phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Kiều Hải L2, sinh năm 2000; nơi đăng ký thường trú: Phường A, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Khu phố K, phường P, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn dân sự*: Công ty Cổ phần B2.

Địa chỉ trụ sở: Phường P, thị xã G, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Đào A, sinh năm 1966; cư trú tại: Khu phố C, Phường P, thị xã G, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty (theo văn bản ủy quyền số 210719/UQ-BP ngày 21/7/2019): Ông Nguyễn Văn L3, sinh năm 1985; cư trú tại: Phường P, thị xã G, tỉnh Bình Dương (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về nội dung chính của vụ án:

Nguyễn Văn T có giấy phép lái xe ô tô hạng FC (có giá trị đến ngày 17/11/2020) là lái xe của Công ty cổ phần B2 theo hợp đồng lao động số 18 ngày 01/6/2018.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 15/7/2019, T điều khiển xe ô tô biển số 61C-159.37 kéo Rơ moóc biển số 61R-008.19 (thuộc sở hữu của Công ty cổ phần B2) lưu thông trên Quốc lộ 51 theo hướng huyện L4 đi hướng Ngã 3 Vũng Tàu. Khi đi đến khu vực vòng xoay Cổng 11 giao nhau giữa Quốc lộ 51, đường Võ Nguyên Giáp với đường Bùi Văn Hòa thuộc khu phố V, phường P, thành phố B1, T điều khiển xe ô tô 61C-159.37 chuyển hướng rẽ phải vào đường Võ Nguyên Giáp đi về hướng huyện T1. Do T không chú ý quan sát, chuyển hướng không đảm bảo an toàn đã để phần cản trước bên phải đầu xe ô tô 61C-159.37 đụng vào phần đầu và bên trái xe mô tô biển số 53R2-1040 do anh Kiều Hải L2 điều khiển, chở anh Võ Trọng N4 (sinh năm 1997, thường trú tại xóm 2, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau) ngồi phía sau, đang lưu thông cùng chiều phía trước đang chuyển hướng rẽ trái đi Ngã ba Vũng Tàu gây tai nạn. Hậu quả: Anh Võ Trọng N4 tử vong tại hiện trường, anh Kiều Hải L2 bị xây sát nhẹ.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường tai nạn giao thông ngày 15/7/2019 của Công an thành phố Biên Hòa đã thu thập được các dấu vết như sau:

Tất cả dấu vết, kích thước, chiều hướng đều được đo vào mép lề đường nhựa bên phải (mép góc phải giao nhau giữa Quốc lộ 51 với đường Võ Nguyên Giáp) theo hướng huyện L4 đi hướng huyện T1.

- Chiều đường hướng huyện L4 đến khu vực giao nhau của Quốc Lộ 51 trước vị trí xảy ra tai nạn giao thông có biển báo hiệu giao thông đường bộ 245a (đi chậm).

- Xe mô tô biển số 53R2 – 1040: Nằm nghiêng bên phải dưới góc phải gầm cabin đầu xe ô tô đầu kéo biển số 61C – 159.37, đầu xe hướng vòng xuyên (tâm nơi giao nhau), đuôi xe quay về hướng lề phải; trục bánh xe trước cách lề phải là 09 mét 45; trục bánh xe sau cách lề phải là 08 mét 65.

- Xe ô tô đầu kéo biển số 61C – 159.37 kéo theo Rơ moóc biển số 61R – 008.19 dừng trong khu giao nhau hơi xéo theo hướng Quốc Lộ 51 về hướng đường Võ Nguyên Giáp, đầu xe hướng đường Võ Nguyên Giáp, đuôi xe hướng ngược lại; Trục bánh xe đầu tiên bên phải xe ô tô đầu kéo biển số 61C – 159.37 cách lề phải là 06 mét 05, cách trục bánh xe trước xe mô tô biển số 53R2 – 1040 là 02 mét 50; Trục bánh xe đầu tiên bên trái xe ô tô đầu kéo biển số 61C – 159.37 cách mép vòng xuyên (tâm nơi giao nhau) là 19 mét 10; Trục bánh xe sau cùng bên phải Rơ moóc biển số 61R – 008.19 cách lề phải là 02 mét 70, cách cột điện số 26/10 trên lề đường phải là 03 mét 85.

- Nạn nhân Võ Trọng N4 tử vong dưới gầm cabin đầu xe ô tô đầu kéo biển số 61C – 159.37, đầu hướng góc phải, chân hướng vòng xuyên (tâm nơi giao nhau), tư thế nghiêng trái, đầu bị bánh xe đầu tiên bên phải xe ô tô đầu kéo biển số 61C – 159.37 cán lên, từ đỉnh đầu nạn nhân đến lề phải là 07 mét.

- Dấu vết chà người nạn nhân Võ Trọng N4 trên mặt đường, đầu vết chà cách lề phải là 06 mét và về hướng huyện T1 đến trục bánh trước bên phải xe ô tô đầu kéo biển số 61C – 159.37 là 01 mét 10.

- Dấu vết cà xước mặt đường nhựa không liên tục trên mặt đường hình thành do quá trình xe mô tô biển số 53R2 – 1040 ngã trên mặt đường và bị xe ô tô đầu kéo biển số 61C – 159.37 kéo theo Rơ moóc biển số 61R – 008.19 đẩy đi, gồm 02 đoạn cuối vết: đoạn thứ nhất dài 02 mét 35, đầu vết cách lề phải là 05 mét 90, cuối vết đoạn thứ nhất là đầu vết đoạn thứ 2 dài 07 mét 45, cách lề phải là 06 mét 90.

- Dấu vết phanh in trên mặt đường nhựa hình thành do quá trình xe ô tô đầu kéo biển số 61C – 159.37 kéo theo Rơ moóc biển số 61R – 008.19 phanh, bánh xe bên trái ma sát với mặt đường tạo nên dài 04 mét 50, đầu vết phanh cách lề phải là 04 mét 90.

Tại kết luận giám định số 778/2019-KLGD-PC09 ngày 30/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận dấu vết va chạm giữa xe ô tô đầu kéo biển số 61C – 159.37 kéo theo Rơ moóc biển số 61R – 008.19 với xe mô tô 53R2-1040 như sau:

- Hai xe (xe mô tô biển số 53R2 - 1040 và xe ô tô đầu kéo biển số 61C – 159.37 kéo theo Rơ moóc biển số 61R – 008.19) đã va chạm khi đang lưu thông cùng chiều, xe ô tô đầu kéo chuyển hướng rẽ phải.

- Vị trí va chạm là các dấu vết trên xe ô tô đầu kéo biển số 61C – 159.37 kéo theo Rơ moóc biển số 61R – 008.19 (dấu vết trầy xước sơn ở cản trước bên phải, cách đầu cản bên phải 80cm, vết dài 30cm, cách đất 65cm; dấu vết trầy xước tróc sơn phía dưới cản trước bên phải vết dài 55cm, cách đất 45cm. Chiều hướng dấu vết từ trước ra sau do va chạm với xe mô tô lưu thông cùng chiều) với dấu vết ở phần đầu và bên trái xe mô tô 53R2 – 1040 (vết cong ba ga phía trước

đầu xe; vết nứt vỡ ốp nhựa đầu đèn chiếu sáng và bung hờ. Chiều hướng dấu vết từ trước ra sau do va chạm với xe ô tô lưu thông cùng chiều chuyển hướng rẽ phải,);

- Các dấu vết mài mòn trên xe mô tô là do va chạm với mặt đường khi xe ngã.

Tại kết luận giám định pháp y về tử thi số 234/TT/2019 ngày 25/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận nguyên nhân tử vong của anh Võ Trọng N4 là do đa chấn thương:

- Chấn thương sọ não gây vỡ ngang tầng sọ giữa, tách nền sọ làm hai phần, nứt sọ từ hố chẩm đến ống sống, chảy máu màng mềm. Dập rách nhu mô não vùng thái dương hai bên. Dập xuất huyết rải rác trong nhu mô đại não, cầu não và tiểu não, tụ máu trong não thất;

- Kết hợp chấn thương gây gãy vỡ phức tạp các xương bàn ngón tay trái.

Về bồi thường dân sự:

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T cùng với bị đơn dân sự là Công ty cổ phần B2 đã bồi thường cho gia đình anh Võ Trọng N4 tổng số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Đại diện hợp pháp của anh Võ Trọng N4 là ông Võ Tứ H2 và bà Tri Phương L đã nhận đủ số tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thêm và đã có đơn bãi nại đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Về vật chứng:

- Xe ô tô tải đầu kéo biển số 61C – 159.37, nhãn hiệu CNHTC, loại xe đầu kéo, màu sơn: Bạc, số máy: 150417004547, số khung: LSB4FA092861 và Rơ moóc biển số 61R – 008.19, nhãn hiệu CIMC, màu sơn: Xanh, số khung: 3389FN031959; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giấy chứng nhận đảm bảo án toàn kỹ thuật xe ô tô tải đầu kéo biển số 61C – 159.37 và Rơ moóc biển số 61R – 008.19. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã xác minh và đã trả lại cho chủ sở hữu là Công ty Cổ phần B2.

- Xe mô tô biển số 53R2-1040; nhãn hiệu Dream; màu sơn: Đen; số máy: C100MNE-0033769, số khung: C100MN-0033769, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã xác minh và đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Kiều Sơn H3.

2. Về truy tố:

Bản cáo trạng số 63/CT-VKSBH ngày 15/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo Điểm a, Khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng Điểm a, khoản 1, Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù 16 (mười sáu) tháng tù đến 20 (hai mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 32 (ba mươi hai) tháng đến 40

(bốn mươi) tháng. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Các bên đã thỏa thuận xong về bồi thường dân sự, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

3. Về ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Võ Tứ H2 và bà Tri Phương L trình bày trong hồ sơ vụ án: Bị cáo Nguyễn Văn T và Công ty Cổ phần B2 đã bồi thường tiền mai táng phí cho gia đình nạn nhân Võ Trọng N4 số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Ông H2, bà L không yêu cầu bị cáo T và Công ty Cổ phần B2 bồi thường thêm và làm đơn xin bãi nại cho bị cáo T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Kiều Hải L2 trình bày trong hồ sơ vụ án: Anh L2 đã nhận của bị cáo Nguyễn Văn T và Công ty Cổ phần B2 số tiền bồi thường là 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Anh L2 đã làm đơn từ chối giám định thương tích, không yêu cầu bị cáo T, Công ty Cổ phần B2 phải bồi thường thêm và làm đơn bãi nại cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị đơn dân sự đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu bị cáo và bị đơn dân sự phải bồi thường thêm. Xét thấy, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị đơn dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, lời khai của người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 15/7/2019, tại khu vực vòng xoay cổng 11 giao nhau giữa Quốc lộ 51, đường Võ Nguyên Giáp với đường Bùi Văn Hòa thuộc khu phố V, phường P, thành phố B1, Nguyễn Văn T điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số biển số 61C – 159.37 kéo theo Rơ moóc biển số 61R – 008.19 lưu thông trên Quốc lộ 51 chuyển hướng rẽ phải vào đường Võ Nguyên Giáp đi về hướng huyện T1. Do Thi điều khiển xe không chú ý quan sát, chuyển hướng xe không đảm bảo an toàn, đã để phần cản trước bên phải đầu xe ô tô 61C-159.37 đụng vào phần đầu và bên trái xe mô tô biển số 53R2-1040 do anh Kiều Hải L2 điều khiển, chở anh Võ Trọng N4 (ngồi sau) đang lưu thông cùng chiều phía trước đang chuyển hướng rẽ trái đi Ngã ba Vũng Tàu, gây tai nạn giao thông làm anh N4 tử vong.

- *Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và lỗi:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến an toàn công cộng về giao thông đường bộ, làm thiệt hại đến tính mạng của người khác, gây đau thương mất mát không gì bù đắp nổi cho gia đình nạn nhân, ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội. Bị cáo biết xe ô tô đầu kéo và Rơ moóc là nguồn nguy hiểm cao độ nhưng khi điều khiển xe bị cáo không chấp hành đúng các quy định của pháp luật, không chú ý quan sát, chuyển hướng xe không đảm bảo an toàn, gây tai nạn làm anh Võ Trọng N4 tử vong.

- *Về tội danh:* Hành vi của bị cáo vi phạm Khoản 23 Điều 8, Khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ, gây hậu quả làm chết 01 người. Từ các căn cứ trên xác định bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số: 63/CT-VKSBH ngày 15/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại, đại diện hợp pháp người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần và chi phí mai táng và có đơn xin bãi nại cho bị cáo; bị cáo có đơn trình bày gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ bị cáo không có việc làm, hai con còn nhỏ, đang độ tuổi ăn học (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017), bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình và có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú. Các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại các điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo Nguyễn Văn T để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên, trong thời gian được tại ngoại bị cáo chấp hành tốt các quy định pháp luật và có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng mà cho bị cáo hưởng án treo và ấn định một thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo và bị đơn dân sự bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe ô tô tải đầu kéo biển số 61C – 159.37, nhãn hiệu CNHTC, loại xe đầu kéo, màu sơn: Bạc, số máy: 150417004547, số khung: LSB4FA092861 và Rơ moóc biển số 61R – 008.19, nhãn hiệu CIMC, màu sơn: Xanh, số khung: 3389FN031959; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giấy chứng nhận đảm bảo án toàn kỹ thuật xe ô tô tải đầu kéo biển số 61C – 159.37 và Rơ moóc biển số 61R – 008.19. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã xác minh và đã trả lại cho chủ sở hữu - Công ty Cổ phần B2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với xe mô tô biển số 53R2-1040; nhãn hiệu Dream; màu sơn: Đen; số máy: C100MNE-0033769, số khung: C100MN-0033769 thuộc sở hữu của ông Kiều Sơn H3. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã xác minh và đã trả lại cho chủ sở hữu – ông Kiều Sơn H3 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với trình bày của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1. Căn cứ Khoản 23 Điều 8, Khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ; Áp dụng Điểm a, Khoản 1, Điều 260; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị đơn dân sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị đơn dân sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Duyên

